BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Tin học đại cương - 1101030 Giám thị 1: Thanh Tâm Ký tên:

Mã lớp học phần: 110103001 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2: Xuân Anh Ký tên:

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Xuân Anh Giám thị 3: Ký tên:

Ngày thi: 19/5/15 **Giờ thi:** 9h **Phòng thi:** PM 3 Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1410130037	Phạm Thị Diễm	Ánh	13/06/1996		1	9	chín	C16TA	
2	1410130003	Huỳnh Thị Kim	Chi	02/08/1996		1	6	Sáu	C16TA	
3	1410130017	Nguyễn Quang	Duận	19/09/1996					C16TA	v
4	1410130027	Đoàn Thị	Đào	15/05/1996		1	6	Sáu	C16TA	
5	1410130022	Vũ Thị Hồng	Đào	01/02/1996		1	5	Năm	C16TA	
6	1410130034	Phan Thị Quỳnh	Giao	07/9/1996		1	8	Tám	C16TA	
7	1410130052	Nguyễn Tuấn	Hoàng	27/12/1994		1	10	mười	C16TA	
8	1410130018	Nguyễn Thị Hồng	Hòa	08/01/1996		1	10	mười	C16TA	
9	1310100158	Nguyễn Thị	Hương	06/10/1994		1	3	Ba	C15QT2	
10	1410130004	Trần Thị Hạnh	Kiều	31/05/1996		1	9	chín	C16TA	
11	1410130036	Đoàn Thị	Lành	03/01/1996		1	7	bảy	C16TA	
12	1310100217	Nguyễn Thị Trúc	Lê	07/02/1995		1	3	Ba	C15QT2	
13	1410130045	Trần Phối	Liên	26/02/1996					C16TA	v
14	1410130047	Lê Hiền	Mai	12/04/1995		1	6	Sáu	C16TA	
15	1410130049	Bùi Thị Kiều	My	20/02/1996		1	8	Tám	C16TA	
16	1410130048	Phạm Thị Thu	Nga	06/06/1996					C16TA	v
17	1410130029	Trần Thị Thanh	Nga	21/06/1994		1	8	Tám	C16TA	
18	1410130021	Lê Thị	Ngọc	07/08/1995		1	5	Năm	C16TA	
19	1410130008	Phùng Thị Hồng	Ngọc	20/08/1996		1	5	Năm	C16TA	
20	1410130006	Trần Mỹ	Nhân	11/10/1996					C16TA	v
21	1410130024	Nguyễn Ngọc	Nhi	02/09/1996					C16TA	v
22	1410130010	Nguyễn Ngọc Thảo	Nhi	28/11/1996		1	7	Bảy	C16TA	
23	1410130007	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	10/05/1996		1	9	Chín	C16TA	
24	1410130025	Ngô Thị Hồng	Nhiên	06/06/1996					C16TA	v
25	1410130032	Nguyễn Đức	Phát	29/10/1995		1	4	Bốn	C16TA	
26	1410130050	Đoàn Thị	Phụng	03/01/1995					C16TA	v
27	1410130019	Lê Văn	Phương	15/12/1996		1	6	Sáu	C16TA	
28	1410130041	Ngô Thị Huệ	Phước	27/10/1993					C16TA	v
29	1410130013	Lương Ngọc	Quyên	12/11/1996		1	5	Năm	C16TA	
30	1410130016	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	08/11/1996		1	9	chín	C16TA	
31	1410130014	Nguyễn Thị Phương	Thanh	04/06/1996		1	10	mười	C16TA	
32	1410130005	Nguyễn Huỳnh Như	Thảo	21/05/1996		1	5	Năm	C16TA	
33	1410130031	Trần Huỳnh	Thi	25/05/1994		1	8	Tám	C16TA	
34	1410130028	Châu Nhụy	Thịnh	13/09/1995		1	8	Tám	C16TA	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	1410130026	Mai Thị	**Thơ**	10/01/1996		1	8	Tám	C16TA	
36	1410130051	Trần Quốc	**Thuận**	09/06/1993					C16TA	V
37	1410130039	Đoàn Thị Thu	**Thuỳ**	28/06/1996					C16TA	V
38	1410130023	Huỳnh Hồng Thủy	**Tiên**	11/04/1996		1	9	Chín	C16TA	
39	1410130044	Nguyễn Thị Cẩm	**Tiên**	27/10/1996					C16TA	V
40	1410130030	Phan Thị Cẩm	**Tiên**	19/9/1996		1	6	Sáu	C16TA	
41	1410130001	Nguyễn Phúc Đoan	**Trang**	14/11/1996		1	5	Năm	C16TA	
42	1410130009	Nguyễn Thị Tú	**Trâm**	10/08/1996					C16TA	V
43	1410130040	Nguyễn Diễm	**Trúc**	15/08/1996		1	7	Bảy	C16TA	
44	1410130015	Dương Thị Thanh	**Tuyền**	12/01/1995		1	7	Bảy	C16TA	
45	1410130020	Phạm Huỳnh Ngân	**Tú**	17/10/1996		1	10	mười	C16TA	
46	1410130002	Võ Thị Cẩm	**Tú**	21/04/1996		1	7	Bảy	C16TA	
47	1410130011	Nguyễn Hồng Bích	**Vân**	13/02/1995		1	6	Sáu	C16TA	
48	1410130043	Nguyễn Thị Tường	**Vy**	29/07/1996					C16TA	V
49	1410130042	Nguyễn Bình	**Yên**	07/02/1996		1	8	Tám	C16TA	

Lưu ý: *sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Tin học đại cương - 1101001 Giám thị 1: Thanh Tâm Ký tên:

Mã lớp học phần: 110100102 **Số tín chỉ: 4** Giám thị 2: Ký tên:

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Xuân Anh Giám thị 3: Ký tên:

Ngày thi: 19/5/2015 **Giờ thi:** 7h30' **Phòng thi:** PM1 Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1410080008	Lâm Thị Hoàng	**Anh**	15/07/1995			7	Bảy	C16MT	
2	1410010008	Trần Hoàng	**Anh**	21/08/1996			7	Bảy	C16TH	
3	1310100246	Nguyễn Thị Phương Ngọc	**Ánh**	16/01/1995			9	Chín	C15QT2	
4	1410010007	Đặng Văn	**Cường**	16/12/1996			6	Sáu	C16TH	
5	1410010009	Nguyễn Hoàng	**Duy**	26/12/1996					C16TH	✓
6	1410010014	Nguyễn Hữu	**Duy**	05/10/1994			7	Bảy	C16TH	
7	1410010002	Lê Công	**Hậu**	14/07/1996			9	Chín	C16TH	
8	1410080004	Lê Thị Ngọc	**Hậu**	02/01/1996			8	Tám	C16MT	
9	1410010010	Võ Bùi Quang	**Hoan**	10/09/1995					C16TH	✓
10	1210140099	Đinh Thúy	**Huyền**	25/08/1994					C14TC1	✓
11	1410080011	Huỳnh Thị Thanh	**Loan**	11/01/1996			6	Sáu	C16MT	
12	1410010011	Nguyễn Duy	**Long**	20/02/1994			9	Chín	C16TH	
13	1210010038	Phạm Văn	**Nam**	10/10/1992			9	Chín	C14TH	
14	1410080006	Huỳnh Trọng	**Nghĩa**	15/08/1996			7	Bảy	C16MT	
15	1410080012	Nguyễn Thị Huỳnh	**Như**	27/07/1996					C16MT	✓
16	1410010003	Cao Phương	**Quang**	15/12/1995			7	Bảy	C16TH	
17	1410080005	Nguyễn Thanh	**Sang**	22/10/1996			9	Chín	C16MT	
18	1410080010	Lê Đức	**Tâm**	01/09/1996			6	Sáu	C16MT	
19	1410010013	Bế Lãng	**Thiên**	28/06/1996			8	Tám	C16TH	
20	1410010012	Lê Thị Ngọc	**Thiều**	20/12/1996			8	Tám	C16TH	
21	1410010006	Nguyễn Quốc	**Thống**	20/01/1996					C16TH	✓
22	1210090519	Nguyễn Thị Ngọc	**Trân**	23/06/1994			9	Chín	C14QT5	
23	1210140396	Vũ Hoàng Như	**Ý**	15/01/1994			6	Sáu	C14TC3	

Lưu ý: *sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Tin học đại cương - 1101001
Mã lớp học phần: 110100101 **Số tín chỉ: 4**
Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Xuân Anh
Ngày thi: 19/5/15 **Giờ thi:** 8g **Phòng thi:** PM8

Giám thị 1: Nguyễn Thị Hải Anh Ký tên:
Giám thị 2: Ký tên:
Giám thị 3: Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1410030019	Lê Quốc	An	09/09/1996			9,5	chín rưỡi	C16DDT	
2	1410030014	Phạm Văn	An	07/10/1995			8,5	tám rưỡi	C16DDT	
3	1410040010	Vũ Nam	Anh	02/05/1996			6	sáu	C16CK	
4	1410040005	Phạm Văn	Bình	13/05/1995			6	sáu	C16CK	
5	1410030010	Nguyễn Hoàng	Duy	02/09/1990			8	tám	C16DDT	
6	1410030015	Phan Văn	Đạo	23/06/1996			2	Hai	C16DDT	
7	1410030020	Nguyễn Trường	Giang	23/02/1996					C16DDT	V
8	1410030008	Nguyễn Phi	Hải	06/07/1994			10	mười	C16DDT	
9	1410030001	Trần Quang	Huy	05/8/1996			10	mười	C16DDT	
10	1410030017	Trần Quốc	Huy	30/05/1996					C16DDT	V
11	1410030004	Nguyễn Minh	Hùng	01/12/1996			10	mười	C16DDT	
12	1210080014	Nguyễn Việt	Hùng	20/01/1994					C14MT	V
13	1410030012	Phạm Duy	Khanh	21/03/1996					C16DDT	V
14	1210090167	Tăng Minh	Khánh	02/09/1994					C14QT2	V
15	1210140124	Hoàng Thùy	Linh	08/04/1994			5	Năm	C14TC1	
16	1410040014	Nguyễn Anh	Minh	06/11/1996			10	mười	C16CK	
17	1410040004	Hoàng Phương	Nam	20/10/1996					C16CK	
18	1410040006	Hoàng Văn	Nam	08/02/1996			6,5	sáu rưỡi	C16CK	
19	1410040007	Hồ Hoàng	Ngân	17/07/1996			9	chín	C16CK	
20	1410040008	Nguyễn Thanh	Phong	12/01/1996			10	mười	C16CK	
21	1410040011	Nguyễn Văn	Phúc	16/04/1996			7	Bảy	C16CK	
22	1410040001	Nguyễn Thế	Quang	03/02/1996					C16CK	V
23	1410040003	Nguyễn Nhật	Tâm	05/10/1996			6	sáu	C16CK	
24	1410030005	Nguyễn Thanh	Tân	14/11/1996			10	mười	C16DDT	
25	1410030006	Trần Chu	Thắng	02/11/1995			7	Bảy	C16DDT	
26	1410030011	Nguyễn Kế	Thế	20/08/1996			7	Bảy	C16DDT	
27	1410030013	Trần Văn	Tiến	23/08/1996			8,5	tám, rưỡi	C16DDT	
28	1310060011	Lê Hiếu	Toàn	11/10/1994					C15XD	V
29	1410030016	Nguyễn Đức	Trung	20/12/1995			8,5	tám, rưỡi	C16DDT	
30	1410040009	Đỗ Văn	Tuấn	28/02/1995			5,5	Năm, rưỡi	C16CK	
31	1410030007	Thái Minh	Tuấn	01/08/1994			8,5	tám, rưỡi	C16DDT	

Lưu ý: *sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 24 **vắng thi:** 07 **. Số bài thi/Số tờ:** 24 / 24 .